TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGUYÊN BÌNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST.
Ngày 18/02/2025.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGUYÊN BÌNH, TỈNH CAO BẰNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Lịch.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ma Thanh Khỏe; Cán bộ nghỉ hưu và bà Triệu Thị Hoa; Công tác tại Hội liên hiệp phụ nữ huyện N.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Dũng; Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nguyên Bình, Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Lương Ngọc Tân - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 02
năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLSTHNGĐ ngày 22/10/2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phùng Mùi D**; Sinh năm 1987, *(có mặt)*
- *Bị đơn:* Anh **Nông Văn G**; sinh năm 1985, *(vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở cùng trú tại: Xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Bà **Sầm Thị L**; Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Cao Bằng. *Có mặt.*

- Người làm chứng: Bà **Phùng Thị D**; sinh năm 1960

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm Pú Vài, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa

Nguyên đơn: Chị Phùng Mùi D trình bày chị kết hôn với anh Nông Văn G từ tháng 6 năm 2006, hôn nhân được tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G,

không giúp đỡ chị chăm lo gia đình, ham chơi bời và mắc vào tệ nạn xã hội (Nghiện hút), chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh G không tiếp thu sửa chữa mà còn đe dọa chửi bới và đã nhiều lần anh G cầm dao đe dọa giết chị, dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn kéo dài. Sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung, tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh G

- Về con chung: Chị D xác nhận chị với anh Nông Văn G có 02 con chung là: Nông Thùy D; sinh ngày 28/8/2007 và Nông Thế Q; sinh ngày 15/6/2010, hiện nay các con đều đang ở với chị, các con vẫn đang là học sinh và vẫn đang được chị chăm lo cho đi học đầy đủ. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh G đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về phần tài sản chung:* Chị D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung:* Chị D xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình gồm: (Bản sao) căn cước công dân của chị D và của anh Nông Văn G (bản sao), giấy xác nhận thông tin cư trú chủ hộ Nông Văn G (bản chính), Trích lục kết hôn (bản chính), Nông Thùy K, Nông Thế Q, Giấy Chứng nhận hộ nghèo hộ ông Nông Văn G (bản chính), đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Về Bị đơn: Tại thời điểm chị D nộp đơn khởi kiện ly hôn anh G vẫn có mặt ở địa phương cụ thể là giấy xác nhận thông tin về cư trú ngày 23/9/2024 của Công an xã T, Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và đồng thời đã triệu tập anh G nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng anh G đã bỏ đi khỏi địa phương, không có địa chỉ cư trú mới. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho UBND xã đề nghị tống đạt cho đương sự, do anh G không có mặt tại địa phương, UBND xã đã giao cho Trưởng xóm để giao hoặc Thông báo lại cho đương sự thông qua việc Trưởng xóm gọi điện thông báo và chụp lại hình ảnh và gửi qua mạng xã hội Thông báo cho anh G được biết, đồng thời Tòa án cũng đã thực hiện đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng cần thiết tại Nhà văn hóa xóm P và tại UBND xã T, là nơi có địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn theo quy định của Pháp luật.

Về ý kiến của các con: Cháu Nông Thùy K và cháu Nông Thế Q, không muốn bố mẹ ly hôn, nhưng nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đề có nguyện vọng được ở với mẹ.

Về ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân của chị D và anh G được xây dựng trên cơ sở được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên do anh G mắc và tệ nạn xã hội, không có sự chia sẻ giúp đỡ để cùng xây dựng chung hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2016 gây mất niềm tin của chị D với anh vào cuộc sống chung vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị D muốn giải thoát cuộc hôn nhân nên có nguyện vọng ly hôn, do vậy đề nghị tòa án xem

xét để chị D được ly hôn với anh G là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Do anh G thường xuyên vắng mặt tại địa phương, các con vẫn cùng chung sống với chị D và từ khi chị D có yêu cầu ly hôn, không xảy ra tranh chấp, không ai có ý kiến gì về việc nuôi con của chị nên đề nghị tòa án giao con cho chị D tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng từ anh G.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết

Về án phí: Chị D là người sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị cho chị D được miễn nộp tiếp án phí.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N:

- *Về tuân theo pháp luật tố tụng:*

Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là đùng thẩm quyền, Thẩm phán, Thẩm tra viên được phân công làm thư ký tiến hành tố tụng, hỗ trợ thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thực hiện thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định tại các Điều 48, 50 195, 196, 197, 198, 203, 208, 237, 239, và Điều 243 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Những người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nội qui phiên tòa theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Đối với bị đơn trong quá trình tố tụng Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng do bị đơn không hợp tác, cố tình che dấu địa chỉ, Tòa án đã xử lý đơn khởi kiện, thu thập tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh, bị đơn Nông Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì điều kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Khoản 1, Điều 35, Điều 39; Khoản 5 Điều 147. Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Mùi D được ly hôn với anh Nông Văn G

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu giao cho chị D được trực tiếp nuôi cả 02 con là Nông Thùy K; sinh ngày 28/8/2007 và Nông Thế Q; sinh ngày 15/6/2010 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

3. Tài sản chung: Chị D không yêu cầu chia nên không xem xét giải quyết.

4. Các khoản nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

5.Về án phí: Nguyên đơn chị Phùng Mùi D thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá chứng cứ, toàn diện, khách quan. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện ngày 14/3/2024, đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và biên bản tự khai của chị Phùng Mùi D, các tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là *"ly hôn theo yêu cầu của một bên"* được quy định tại Điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn G có Đăng ký HKTT và chỗ ở tại xóm P, xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc tống đạt các văn bản tố tụng của tòa, việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Anh Nông Văn G đã được Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập nhưng anh G đều không có mặt, Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2024 làm việc với ông Nông Trọng Nghĩa Bí thư chi bộ; Trưởng xóm P, xã T và biên bản lấy lời khai đối với bà Phùng Thị D (mẹ đẻ anh G) cho biết tại thời điểm xác Minh anh G không có mặt ở địa phương, thỉnh thoảng anh có về thăm nhà, được biết hiện anh G đi làm ở tỉnh Bắc G còn địa chỉ tạm trú cụ thể của anh G thì không rõ vì anh G không làm thủ tục trình báo tạm vắng, anh G không thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được địa chỉ của mình, nhằm mục đích che dấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện, Tòa án đã tiến hành các thủ tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản niêm yết văn bản tố tụng tại nơi bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở, các hoạt động tố tụng áp dụng đầy đủ, đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc bị đơn anh Nông Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì điều kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan được coi như là anh tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Kiên là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phùng Mùi D với anh Nông Văn G, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện

Nguyên, tỉnh Cao Bằng, hôn nhân của anh chị được Nhà nước bảo đảm bằng việc được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 016/ 2027 ngày 27 tháng 11 năm 2007, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phùng Mùi D, về tình trạng hôn nhân, sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì tình cảm vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn về nguyên nhân chị D cho rằng anh G không giúp đỡ chị chăm lo gia đình, ham chơi, dẫn đến mắc vào tệ nạn xã hội (Nghiện hút), chị đã khuyên bảo anh nhiều lần nhưng anh G không tiếp thu sửa chữa mà anh còn chửi bới, đe dọa, bạo hành với chị, mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng vẫn không khắc phục được, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ đã tới mức trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với anh G. chị Diễn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn.

Về phía Anh G: Đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, mặc anh dù biết việc chị D yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh, nhưng anh G không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu gì chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh G đã không có biện pháp gì để khắc phục vì từ khi biết Tòa án thụ lý vụ án đến khi tòa đưa vụ án ra xét xử với khoảng thời gian 5 tháng, thậm trí anh G còn đẩy tình trạng hôn nhân đi xa hơn như gọi điện nhắn tin đe dọa an toàn tính mạng chị D. Theo quy định tại khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị D với anh G không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Chị D và anh G có chung 02 con là Nông Thùy K; sinh ngày 28/8/2007 và Nông Thế Q; sinh ngày 15/6/2010, hiện 02 con đều đang ở cùng chị và chi D chị vẫn đang trực tiếp chăm lo, nuôi dưỡng, anh G đã đi khỏi địa phương, hiện không rõ cư trú làm việc tại đâu, không biết thời điểm trở về, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp mọi mặt của con, nên cần giao cho chị D được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con là K và cháu Q, anh G không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về tài sản chung:* Chị D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét. Trường hợp có phát sinh, thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung:* Ghi nhận lời khai của chị D vợ chồng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Uỷ Ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Chị D, là người dân tộc thiểu số, có hộ khẩu cư trú ở

vùng III, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghòe thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Điều 177, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 229; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Mùi D được ly hôn đối với anh Nông Văn G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 016/2007, đăng ký ngày 27 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cao Bằng, cấp cho Phùng Mùi D và Nông văn G, không còn giá trị pháp lý.

[2]. *Về con chung:* Giao cho chị Phùng Mùi D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con là Nông Thùy K; sinh ngày 28/8/2007 và Nông Thế Q; sinh ngày 15/6/2010; cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh G phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật, nếu lạm dụng việc thăm nom con, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có quyền quyết định thay đổi việc nuôi con.

[3]. *Tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

[4]. *Nghĩa vụ dân sự chung:* Không có

[5]. *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Uỷ Ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phùng Mùi D được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Chị Phùng Mùi D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nông Văn G vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, theo quy định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TA ND tỉnh Cao Bằng;
-VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình
- Các đương sự.
- UBND xã T;
- Lưu án văn;
- Niêm yết
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Lịch

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

Ma Thanh Khỏe **Triệu Thị Hoa** **Hoàng Thị Thu Lịch**

;